TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày: 19/11/2019

V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Từ Quốc Thái Bình**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Vũ Anh Kiệt** và ông **Nguyễn Văn Quang**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐST-DS, ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/ 2019/QĐST-DS, ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hiếu T**, sinh năm: 1974 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Kim L**, sinh năm: 1975 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Hồ Thị Xuân T**, sinh năm: 1979 *(Vắng mặt)*
Hộ khẩu: Huyện V, tỉnh Đồng Nai.
Chổ ở hiện nay: Khu phố 6, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu T trình bày:

Ông và ông Nguyễn Kim L là bạn bè với nhau, nên khoảng tháng 7/2018, ông có cho ông L vay số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền hàng. Hai bên thương lượng là khi nào cần lấy lại tiền ông báo thì ông L sẽ trả lại. Tiếp đó vào tháng 11/2018, ông có cho ông Nguyễn Kim L vay thêm số tiền 250.000.000 đồng để trả tiền mua xe ôtô. Vì là chỗ quen biết với nhau nên hai bên không lập văn bản gì và

cũng không thoả thuận về lãi suất. Đối với lần vay tiền thứ hai, ông L có giao cho ông một chiếc xe ôtô hiệu Inova, biển số 51G - 26147 và giấy tờ xe để làm tin. Sau đó, đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì vào ngày 25 tết Nguyên Đán, ông L đã trả cho ông. Đối với khoản vay 250.000.000 đồng thì ông Lạc hẹn qua Tết Nguyên Đán (khoảng cuối tháng 2/2019) ông L sẽ trả. Tuy nhiên, khoảng đầu tháng 01/2019, có 02 người phụ nữ và 02 người đàn ông đến nhà ông cho rằng chiếc xe ôtô hiệu Inova, biển số 51G - 26147 là của họ, nên ông kêu ông L và báo Công an thị xã L đến làm việc. Kết quả Công an thu giữ xe này để trả lại cho chủ sở hữu và tại buổi làm việc ở Công an thị xã ông Lạc hứa đến tháng 03/2019 sẽ trả lại số tiền 250.000.000 đồng cho ông.

Ông đã đòi nhiều lần nhưng ông L không trả, nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã L giải quyết buộc ông L trả cho ông số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, ông không yêu cầu lãi suất. Về nguồn gốc số tiền mà ông cho ông Nguyễn Kim L vay là tài sản riêng của ông, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu ông Nguyễn Kim L và vợ là bà Hồ Thị Xuân T phải cùng liên đới trả 250.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- *Bị đơn ông Nguyễn Kim L trình bày:* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2019 tại Tòa án nhân dân thị xã L, ông xác nhận khoảng giữa tháng 11/2018, ông có vay của ông Nguyễn Hiếu T số tiền 350.000.000 đồng và có cầm xe ôtô, không tính lãi. Khi vay tiền, ông có đưa cho ông T mượn 01 chiếc xe ôtô hiệu Inova, biển số 51G - 26147 và giấy tờ xe, hai bên thỏa thuận khi nào ông trả lại số tiền mà ông đã vay của ông T thì ông T sẽ trả lại xe ôtô trên cho ông, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập giấy tờ gì. Đến ngày 25 Tết âm lịch năm 2019, ông Thảo đòi tiền thì ông có trả cho ông Thảo 100.000.000 đồng, còn nợ lại của ông T 250.000.000 đồng, do làm ăn chưa có nên ông chưa thể trả số tiền còn lại cho ông T. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý trả số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hiếu T. Tuy nhiên, hiện nay ông làm ăn gặp khó khăn nên không thể trả số tiền trên cho ông T một lần, mà xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải được.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Xuân T:* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án có thông báo về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đối với bà T (vợ ông L), đã tiến hành triệu tập cũng như đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà T nhưng bà T không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ

giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Kim L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hiếu T số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng. Ông Nguyễn Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của nguyên đơn và lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Hiếu T khởi kiện ông Nguyễn Kim L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông Nguyễn Kim L có nơi cư trú tại khu phố 6, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn ông Nguyễn Kim L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Xuân T đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Kim L và bà Hồ Thị Xuân T không có mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của ông Nguyễn Kim L và bà Hồ Thị Xuân T được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

Quá trình làm việc tại Công an thị xã L cũng như tại Tòa án, giữa ông H và ông L cùng xác nhận ông L có vay của ông T số tiền 350.000.000 đồng, ông Lạc đã trả 100.000.000 đồng và còn thiếu lại 250.000.000 đồng. Các đương sự thoả thuận vào tháng 3/2019, ông L trả 250.000.000 đồng cho ông T. Tuy nhiên, ông L không thực hiện như cam kết. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông L trả cho ông số tiền 250.000.000 đồng, là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu vợ chồng ông L, bà T phải cùng liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bị đơn, bà T không biết ông L vay tiền cũng như sử dụng số tiền đã vay như thế nào. Ông T cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà T có liên quan đến giao dịch vay tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ

để buộc bà T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ, mà chỉ buộc ông L có nghĩa vụ trả nợ cho ông T số tiền 250.000.000 đồng.

Lãi suất: Ông T không yêu cầu lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu T. Buộc ông Nguyễn Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hiếu T số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

- Ông Nguyễn Hiếu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hiếu T số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0022305 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

- Ông Nguyễn Kim L phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình